

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT
XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 39

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được soát xét.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>			
Ông Đỗ Hùng	Chủ tịch HĐQT	20/3/2009	
Ông Đỗ Hoà	Thành viên	20/3/2009	
Bà Đỗ Thị Thu Trang	Thành viên	20/3/2009	
Ông Lê Trần Vũ Đạt	Thành viên	23/01/2015	
Ông Lưu Xuân	Thành viên	23/01/2015	
<u>Ban kiểm soát</u>			
Ông Phan Thanh Tấn	Trưởng ban	26/7/2021	
Bà Nguyễn Đài Trang	Thành viên	20/3/2009	
Ông Nguyễn Tăng Minh Đức	Thành viên	20/3/2009	
<u>Tổng Giám đốc</u>			
Ông Đỗ Hoà	Quyền Tổng Giám đốc	01/8/2020	

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Đỗ Hùng, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Hội đồng quản trị Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

2021
CÔNG
CỔ
SẢN
NHÀ
KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính, Hội đồng quản trị đã chủ động triển khai các giải pháp trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để ứng phó và giảm thiểu tối đa các ảnh hưởng của dịch bệnh viêm phổi Virus Corona (COVID-19) cũng như từng bước thay đổi sản phẩm inox của Công ty để phù hợp theo “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Thép không gỉ” do Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 15/2019/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2019. Chúng tôi cũng đã ghi nhận được sự chia sẻ và hỗ trợ của ngân hàng, đối tác và các nhà cung cấp. Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng Công ty sẽ vượt qua giai đoạn khó khăn và thử thách và đang chuẩn bị nguồn lực sẵn sàng cho giai đoạn phục hồi sau đại dịch.

Thay mặt Hội đồng quản trị



ĐỖ HÙNG – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2021

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ, được lập ngày 12 tháng 8 năm 2021, từ trang 6 đến trang 39 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của Chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép Chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng Chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của Chúng tôi, Chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến Chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số I.5 của báo cáo tài chính về Kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021 phản ánh lỗ 17.452.639.996 VND, tình trạng lỗ lũy kế của Công ty kéo dài từ năm 2020 đến nay (6 tháng đầu năm 2020 lỗ 19.919.538.616 VND) cùng với các đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty:

- Dịch bệnh COVID-19 đang tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty.
- “Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Thép không gỉ” đã được điều chỉnh nâng cao yêu cầu. Dẫn đến tình trạng nguồn nguyên liệu đầu vào sản xuất thép không gỉ của Công ty hiện tại (chủ yếu nhập khẩu từ Trung Quốc và mua trong nước) sẽ không thể đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật mới và để duy trì sản xuất, Công ty bắt buộc phải tìm nguồn cung ứng mới với chi phí cao hơn.
- Trong điều kiện thị trường khó khăn và yêu cầu chất lượng sản phẩm khắt khe để phù hợp Quy định Nhà nước, Chi phí khấu hao nhà xưởng và máy móc thiết bị mới đầu tư hoàn thành sử dụng lại gia tăng (trong số Nhà cửa, vật kiến trúc có một số nhà cửa, vật kiến trúc tạm thời không sử dụng với giá trị còn lại là 32.151.135.158 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 18.641.281.619 VND) và trong số Máy móc thiết bị có một số máy móc, thiết bị tạm thời không sử dụng với giá trị còn lại 128.738.045.389 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 110.875.802.245 VND) (xem Thuyết minh số V.8))

Với ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên, khả năng hoạt động liên tục của Công ty sẽ phụ thuộc vào sự chia sẻ, hỗ trợ từ các ngân hàng, đối tác, các nhà cung cấp của Công ty và diễn biến của dịch COVID-19, cũng như việc tìm kiếm nguồn cung ứng mới về nguyên liệu để phù hợp với “Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia” và các giải pháp điều chỉnh cơ cấu sản phẩm phù hợp với điều kiện hiện có của Công ty. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn có thể ảnh hưởng quan trọng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Các vấn đề này không làm thay đổi ý kiến của Chúng tôi về Báo cáo tài chính đã được soát xét.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2021

Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt



VĂN NAM HẢI - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0832-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

MẪU B01a-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		316.939.349.841	390.085.044.266
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.061.317.257	5.988.696.686
Tiền	111	V.1	5.061.317.257	5.988.696.686
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		57.682.859.041	130.357.604.422
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	57.236.575.219	92.249.197.966
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	105.000.000	37.843.157.697
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	341.283.822	265.248.759
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	253.378.690.794	252.381.784.063
Hàng tồn kho	141		253.378.690.794	252.381.784.063
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		816.482.749	1.356.959.095
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	94.968.709	139.743.364
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		707.259.824	1.202.961.515
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	14.254.216	14.254.216
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		320.236.921.111	335.698.586.105
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		319.011.775.724	334.433.612.724
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	226.680.857.621	240.834.543.375
Nguyên giá	222		401.444.779.089	401.398.656.362
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(174.763.921.468)	(160.564.112.987)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	92.330.918.103	93.599.069.349
Nguyên giá	228		106.108.473.300	106.108.473.300
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.777.555.197)	(12.509.403.951)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		363.722.623	243.198.772
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	363.722.623	243.198.772
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		500.000.000	500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.10	500.000.000	500.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		361.422.764	521.774.609
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	361.422.764	521.774.609
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		637.176.270.952	725.783.630.371

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		131.653.125.285	202.807.844.708
I. Nợ ngắn hạn	310		130.889.754.885	202.050.132.308
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	11.283.329.642	2.922.036.487
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	47.699.544	47.693.604
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	-	-
4. Phải trả người lao động	314		188.976.561	174.045.218
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	263.850.725	381.131.633
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	138.600.000	99.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	43.431.639	-
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	115.923.866.774	195.426.225.366
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	3.000.000.000	3.000.000.000
II. Nợ dài hạn	330		763.370.400	757.712.400
Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	763.370.400	757.712.400
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		505.523.145.667	522.975.785.663
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	505.523.145.667	522.975.785.663
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		495.000.000.000	495.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		495.000.000.000	495.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(74.372.727)	(74.372.727)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.597.518.394	28.050.158.390
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trực</i>	421a		28.050.158.390	68.847.697.845
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		(17.452.639.996)	(40.797.539.455)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		637.176.270.952	725.783.630.371

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2021



ĐỖ HÙNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị

TRẦN TRUNG NGHĨA
Kế toán trưởng

VÕ NGỌC TUYẾT MAI
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

MẪU B02a-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	95.490.734.679	106.301.054.513
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	375.192.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		95.115.542.679	106.301.054.513
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	101.396.226.684	110.940.697.734
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(6.280.684.005)	(4.639.643.221)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	19.199.155	140.388.080
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	6.589.871.053	11.074.237.707
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.589.871.053	11.074.237.707
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	764.192.668	310.043.186
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	3.832.032.435	3.836.639.658
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(17.447.581.006)	(19.720.175.692)
11. Thu nhập khác	31		100.000	617.499
12. Chi phí khác	32		5.158.990	199.980.423
13. Lợi nhuận khác	40	VI.8	(5.058.990)	(199.362.924)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(17.452.639.996)	(19.919.538.616)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(17.452.639.996)	(19.919.538.616)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a	(353)	(402)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10b	(353)	(402)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2021



ĐỖ HÙNG
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

TRẦN TRUNG NGHĨA
 Kế toán trưởng

VÕ NGỌC TUYẾT MAI
 Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

MẪU B03a-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(17.452.639.996)	(19.919.538.616)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		15.467.959.727	13.209.293.276
- (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.216)	(14.670)
- (Lãi)/ Lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(19.196.939)	(140.372.513)
- Chi phí lãi vay	06		6.589.871.053	11.074.237.707
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.585.991.629	4.223.605.184
- Giảm/ (Tăng) các khoản phải thu	09	VII	73.181.376.240	33.650.998.453
- Tăng hàng tồn kho	10		(996.906.731)	24.361.112.170
- Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	VII	8.464.920.077	(10.478.595.495)
- Giảm chi phí trả trước	12		205.126.500	(156.914.564)
- Tiền lãi vay đã trả	14	VII	(6.707.151.961)	(10.436.457.287)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(3.723.803.028)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(168.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		78.733.355.754	37.271.945.433
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(166.646.578)	(3.194.500.001)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(24.316.347.420)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	83.848.939.516
4. Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng	27	VII	8.267.771	909.173.998
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(158.378.807)	57.247.266.093
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		56.639.608.220	75.282.071.008
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(136.141.966.812)	(163.632.079.269)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(79.502.358.592)	(88.350.008.261)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(927.381.645)	6.169.203.265
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.988.696.686	4.007.954.092
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.216	14.670
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.I	5.061.317.257	10.177.172.027



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2021

ĐỖ HÙNG
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

TRẦN TRUNG NGHĨA
 Kế toán trưởng

VÕ NGỌC TUYẾT MAI
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

MẪU B09a-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103010382 ngày 22 tháng 5 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cho đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi đến lần thứ 11 số 0302124121 (thay cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103010382) ngày 21 tháng 6 năm 2019, chuẩn y việc thay đổi thông tin của người đại diện theo pháp luật.

Ngày 4 tháng 3 năm 2015, Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 13/2015/GCNCP-VSD, cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Số lượng 16.500.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ tương ứng giá trị 165.000.000.000 VND đã được đăng ký với mã chứng khoán được cấp là KVC. Cổ phiếu của Công ty đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 173/QĐ-SGDHN ngày 27 tháng 3 năm 2015.

Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần thứ 1 số 13/2015/GCNCP-VSD-1 ngày 15 tháng 6 năm 2016 với nội dung chấp nhận Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ 16.500.000 cổ phiếu lên 49.500.000 cổ phiếu liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 165.000.000.000 VND lên 495.000.000.000 VND.

- **Vốn điều lệ** : 495.000.000.000 VND
- **Số cổ phiếu** : 49.500.000 cổ phiếu
- **Mệnh giá** : 10.000 VND/ cổ phiếu

• **Trụ sở hoạt động**

Trụ sở hoạt động chính

Địa chỉ : 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-028) 3797 9009

Fax : (84-028) 3797 9100

Mã số thuế : 0 3 0 2 1 2 4 1 2 1

Chi nhánh

Tên chi nhánh 1: : Chi nhánh Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ

Địa chỉ : Ấp 11 Đường Võ Văn Bích, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mã số chi nhánh	: 0 3 0 2 1 2 4 1 2 1 - 0 0 1
Tên chi nhánh 2	: Chi nhánh Lý Thường Kiệt - Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ
Địa chỉ	: 22/48 Lý Thường Kiệt, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã số chi nhánh	: 0 3 0 2 1 2 4 1 2 1 - 0 0 2

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: Bán buôn inox. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác, chi tiết: Mua bán xe chuyên dùng, xe tải, máy công cụ, máy xúc - đào, máy công nghiệp. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Cho thuê nhà xưởng, kho bãi; Kinh doanh bất động sản; Mua bán, cho thuê nhà ở. Xây dựng nhà các loại. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, chi tiết: Mua bán máy nông nghiệp. Sản xuất chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất, gia công định hình inox (không hoạt động tại trụ sở). Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại, chi tiết: Cán, kéo định hình inox dạng cuộn - dây - ống - U - V (không hoạt động tại trụ sở).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính

Kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty phản ánh lỗ 17.452.639.996 VND (6 tháng đầu năm 2020 lỗ 19.919.538.616 VND, 6 tháng đầu năm 2019 lời 9.000.633.795 VND).

Đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh từ cuối năm 2019, đầu năm 2020, và diễn biến phức tạp, khó lường và kéo dài tại Việt Nam và trên toàn thế giới đang tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó sản phẩm inox của Công ty đang từng bước thay đổi để phù hợp theo “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Thép không gỉ” do Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 15/2019/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2019. Theo đó, nguồn nguyên liệu sản xuất thép không gỉ của Công ty hiện nay (chủ yếu nhập khẩu từ Trung Quốc và mua trong nước) sẽ không thể đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật mới này.

Yêu cầu chất lượng sản phẩm khắt khe, nhu cầu và thị trường tiêu thụ sản phẩm lại giảm; sản xuất giảm, cầm chừng trong khi chi phí khấu hao tài sản cố định, khấu hao nhà xưởng và máy móc thiết bị mới đầu tư hoàn thành sử dụng trong năm lại gia tăng... Đây chính là các nguyên nhân chủ yếu làm doanh thu sụt giảm và phát sinh lỗ lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong kỳ.

Hội đồng quản trị Công ty đã và đang chủ động hàng loạt các giải pháp trong điều hành sản xuất kinh doanh để ứng phó và giảm thiểu tối đa các ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 cũng như thích ứng với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thép không gỉ. Công ty đang tiến hành nghiên cứu thị trường, mở rộng kinh doanh các dòng sản phẩm khác trong và ngoài ngành bằng việc tận dụng các

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

lợi thế về máy móc thiết bị, quỹ đất, công trình nhà xưởng đã đầu tư sẵn có đi đôi với kiểm soát tối ưu chi phí hoạt động. Các giải pháp đã và đang thực hiện bao gồm:

- Hoạch định lại nhà xưởng cho thuê những diện tích chưa cần sử dụng,
- Tìm kiếm nguồn cung ứng nguyên liệu khác đạt chuẩn kỹ thuật mới,
- Dự kiến đầu tư mua lại công nghệ nhà máy sản xuất dụng cụ y tế Thép không gỉ,
- Lập kế hoạch đầu tư dự án bất động sản tại quỹ đất gồm 25.000 m² đất sản xuất kinh doanh thuộc sở hữu của KVC và 5.700 m² đất mượn của ông Đỗ Hùng – chủ tịch Hội đồng quản trị mà không phải trả chi phí mượn đất, di dời nhà xưởng về các vùng ven có chi phí đất rẻ.
- Đầu tư liên doanh – liên kết với một công ty chuyên về hoạt động bảo tàng, dự kiến công ty này sẽ triển khai một tổ hợp dự án bảo tàng lớn nhất khu vực Đông Nam Á.

Bộ Khoa học và Công nghệ cũng hỗ trợ các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực thép không gỉ khi ban hành Thông tư số 03/2020/TT-BKHCN ngày 10 tháng 8 năm 2020 về việc ngưng hiệu lực đối với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Thép không gỉ đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngoài ra, Công ty đã nhận được sự chia sẻ và hỗ trợ từ các ngân hàng, đối tác, các nhà cung cấp. Hội đồng quản trị Công ty cho rằng Công ty sẽ tạo ra đủ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Do đó Báo cáo tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 16 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 13 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 thuộc kỳ kế toán năm thứ 14 (mười bốn) của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Hội đồng quản trị đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Hội đồng quản trị có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, các khoản vay và nợ thuê tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 1-1, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi) được hạch toán theo tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm Báo cáo tài chính giữa niên độ. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngoại tệ ngân hàng, thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ hoặc ký quỹ ngoại tệ;
- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay): Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng và dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: phải thu lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, tạm ứng nhân viên, các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	02 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị văn phòng	01 - 05
Cây trồng lâu năm	08

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán/ máy tính.

Quyền sử dụng đất

Giá trị các quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Các quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất.

Phần mềm máy tính/ kế toán

Giá trị phần mềm máy tính/ kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính/ kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 - 8 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,... tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Chi phí trả trước dài hạn” để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước tiền mua bảo hiểm, chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 5 năm.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải nộp bảo hiểm và các khoản phải trả khác.

14. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

Công ty trích lập quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi trái phiếu

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

17. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định cuối cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

20. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

21. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.373.268.056	1.690.198.965
Tiền gửi ngân hàng	3.688.049.201	4.298.497.721
Cộng	5.061.317.257	5.988.696.686

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Ông Lư Chí Lương	502.256.477	681.759.977
Cơ Sở Kim Phú	434.705.130	524.699.130
Cơ Sở Thành Công	612.528.571	698.152.295
Công ty TNHH Đầu tư Duy Phương	4.406.021.915	4.894.861.915
Công ty TNHH MTV Favico Việt Nam	18.770.726	810.759.726
Công ty TNHH Kinh doanh Kim Đình	-	23.962.139.179
Công ty TNHH Kinh doanh Lạc Hồng	-	7.458.220.278
Công ty TNHH Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Dịch vụ Lê Gia	20.103.515.140	15.059.083.150
Công ty TNHH Xây dựng - Sản xuất và Thương mại Phước An	497.432.471	997.432.471
Công ty TNHH TM DV Thép Phát Tiến	15.458.897.700	4.980.822.000
Công ty TNHH Inox Thành Phát	32.378.196	1.096.539.176
Công ty Cổ phần Thương mại Thăng Thế	8.369.641.179	22.631.715.579
Các khách hàng khác	6.800.427.714	8.453.013.090
Cộng	57.236.575.219	92.249.197.966

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Công ty TNHH Công nghệ Ánh Dương Việt Nam	-	289.362.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Cường Phú Thịnh	45.000.000	-
Công ty Cổ phần Inox Gia Vũ	-	20.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Phú Phong	-	19.297.700.219
Công ty Cổ phần Kinh doanh Phù Sa	-	17.775.095.478
Công ty TNHH Phát triển Thương mại Tâm Minh Phát	-	461.000.000
Công ty CP Tư vấn Tài chính và Cấu trúc VNF	60.000.000	-
Cộng	105.000.000	37.843.157.697

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu lãi trái phiếu	24.745.896	-	13.816.728	-
Tạm ứng nhân viên	316.537.926	-	251.294.600	-
Phải thu khác	-	-	137.431	-
Cộng	341.283.822	-	265.248.759	-

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	12.227.909.847	-	16.246.113.123	-
Công cụ, dụng cụ	6.127.386.839	-	6.463.358.443	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.637.157.844	-	437.569.800	-
Thành phẩm	81.946.773.243	-	82.951.028.987	-
Hàng hóa	151.439.463.021	-	146.283.713.710	-
Cộng	253.378.690.794	-	252.381.784.063	-

6. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	94.968.709	139.743.364
Chi phí bảo hiểm	33.677.402	15.307.910
Các chi phí khác	61.291.307	124.435.454
b) Chi phí trả trước dài hạn	361.422.764	521.774.609
Chi phí công cụ, dụng cụ	360.166.514	488.168.515
Chi phí sửa chữa	-	8.292.902
Các chi phí khác	1.256.250	25.313.192
Cộng	456.391.473	661.517.973

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VÍ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cây trồng lâu năm	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	131.601.893.227	262.493.835.728	328.527.273	999.400.134	5.975.000.000	401.398.656.362
Tăng trong kỳ	-	-	-	46.122.727	-	46.122.727
Mua sắm mới	-	-	-	46.122.727	-	46.122.727
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	131.601.893.227	262.493.835.728	328.527.273	1.045.522.861	5.975.000.000	401.444.779.089
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	60.377.308.569	97.816.627.027	328.527.273	999.400.134	1.042.249.984	160.564.112.987
Tăng trong kỳ	4.060.328.350	9.760.917.885	-	5.124.748	373.437.498	14.199.808.481
Khấu hao trong kỳ	4.060.328.350	9.760.917.885	-	5.124.748	373.437.498	14.199.808.481
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	64.437.636.919	107.577.544.912	328.527.273	1.004.524.882	1.415.687.482	174.763.921.468
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	71.224.584.658	164.677.208.701	-	-	4.932.750.016	240.834.543.375
Số cuối kỳ	67.164.256.308	154.916.290.816	-	40.997.979	4.559.312.518	226.680.857.621
Giá trị còn lại của TSCĐ thế chấp nợ vay:						
Số đầu năm	24.946.716.135	3.055.991.068	-	-	-	28.002.707.203
Số cuối kỳ	23.082.929.933	2.151.103.503	-	-	-	25.234.033.436

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cây trồng lâu năm	Cộng
Nguyên giá TSCD hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:						
Số đầu năm	14.637.435.038	38.817.866.545	328.527.273	999.400.134	-	54.783.228.990
Số cuối kỳ	18.409.133.486	40.109.483.493	328.527.273	999.400.134	-	59.846.544.386

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, trong số Nhà cửa, vật kiến trúc có một số nhà cửa, vật kiến trúc tạm thời không sử dụng với giá trị còn lại là 32.151.135.158 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 18.641.281.619 VND) và trong số Máy móc thiết bị có một số máy móc, thiết bị tạm thời không sử dụng với giá trị còn lại 128.738.045.389 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 110.875.802.245 VND).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất		Phần mềm máy tính		Cộng
	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	
Nguyên giá					
Số đầu năm	103.412.261.000		2.696.212.300		106.108.473.300
Tăng trong kỳ	-		-		-
Giảm trong kỳ	-		-		-
Số cuối kỳ	103.412.261.000		2.696.212.300		106.108.473.300
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	10.000.691.676		2.508.712.275		12.509.403.951
Tăng trong kỳ	1.143.151.248		124.999.998		1.268.151.246
Khấu hao trong kỳ	1.143.151.248		124.999.998		1.268.151.246
Giảm trong kỳ	-		-		-
Số cuối kỳ	11.143.842.924		2.633.712.273		13.777.555.197
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	93.411.569.324		187.500.025		93.599.069.349
Số cuối kỳ	92.268.418.076		62.500.027		92.330.918.103

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, quyền sử dụng đất của Công ty với giá trị còn lại tương ứng là 36.305.061.926 VND đang được sử dụng để thế chấp cho khoản các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hóc Môn (xem Thuyết minh số V.17) (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 các quyền sử dụng đất lần lượt là: 36.828.692.624 VND và 56.582.876.700 VND được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hóc Môn và Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Củ Chi).

Nguyên giá của các phần mềm máy tính/ kế toán đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 946.212.300 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 946.212.300 VND).

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Sửa chữa tài sản cố định	363.722.623	243.198.772
Sửa chữa nhà kho	363.722.623	243.198.772
Cộng	363.722.623	243.198.772

10. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Dài hạn	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Cộng	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Maximex	-	-	415.675.494	415.675.494
Công ty TNHH Xây dựng - Sản xuất và Thương mại Phước An	1.643.847.743	1.643.847.743	2.143.847.743	2.143.847.743
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Inox Sơn Hà	9.309.160.605	9.309.160.605	157.127.175	157.127.175
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Thanh Thiên	124.363.748	124.363.748	265.672*	265.672
Công ty CP Thẩm định giá và Dịch vụ Tài sản Toàn Cầu	25.300.000	25.300.000	-	-
Công ty TNHH MTV Thiết bị Gang Thép Trung Tín	56.800.000	56.800.000	56.800.000	56.800.000
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Cầu đường Vĩnh Hưng	65.700.000	65.700.000	65.700.000	65.700.000
Các nhà cung cấp khác	58.157.546	58.157.546	82.620.403	82.620.403
Cộng	11.283.329.642	11.283.329.642	2.922.036.487	2.922.036.487

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cửa hàng Khôi Linh	2.654.500	2.654.500
Cơ Sở Tiến Lên	27.680.500	27.680.500
Công ty TNHH SX TM DV Thành Nhân TNE	3.851.601	3.851.601
Công ty TNHH MTV Thịnh Phước Kon Tum	4.083.600	4.083.600
Các khách hàng khác	9.429.343	9.423.403
Cộng	47.699.544	47.693.604

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối kỳ
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(14.254.216)	-	-	(14.254.216)
Thuế thu nhập cá nhân	-	43.377	43.377	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	(14.254.216)	5.043.377	5.043.377	(14.254.216)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối kỳ
<u>Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán:</u>				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (*)	14.254.216			14.254.216
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		-		-

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng: 10% áp dụng đối với doanh thu bán hàng/ cung cấp dịch vụ trong nước.

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.9.

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác hàng năm theo qui định hiện hành.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	208.850.725	326.131.633
Phí kiểm toán	55.000.000	55.000.000
Cộng	263.850.725	381.131.633

15. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu cho thuê văn phòng và nhà xưởng chưa thực hiện	138.600.000	99.000.000
Cộng	138.600.000	99.000.000

16. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn khác	43.431.639	-
Bảo hiểm xã hội	34.439.994	-
Bảo hiểm y tế	6.290.469	-
Bảo hiểm thất nghiệp	2.701.176	-
b) Phải trả dài hạn khác	763.370.400	757.712.400
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	763.370.400	757.712.400
Cộng	806.802.039	757.712.400

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VÍ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Vay và nợ tài chính ngắn hạn**

	Số đầu năm		Trong kỳ			Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>195.426.225.366</i>	<i>195.426.225.366</i>	<i>56.639.608.220</i>	<i>(136.141.966.812)</i>	<i>115.923.866.774</i>	<i>115.923.866.774</i>	
Ngân hàng TMCP Á Châu	2.900.000.000	2.900.000.000	-	(2.900.000.000)	-	-	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	84.581.000.000	84.581.000.000	30.599.000.000	(35.180.000.000)	80.000.000.000	80.000.000.000	
- Chi nhánh Học Môn (i)							
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn (ii)	80.000.000.000	80.000.000.000	26.040.608.220	(70.116.741.446)	35.923.866.774	35.923.866.774	
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Củ Chi	27.945.225.366	27.945.225.366	-	(27.945.225.366)	-	-	
Cộng	195.426.225.366	195.426.225.366	56.639.608.220	(136.141.966.812)	115.923.866.774	115.923.866.774	

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có các khoản vay nợ như sau:

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hóc Môn theo Hợp đồng tín dụng số 6140-LAV-202100772 ngày 27 tháng 5 năm 2021, hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 VND, thời hạn vay theo từng lần nhận nợ. Mục đích khoản vay là để bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ. Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trong khuôn viên thửa đất số 878, 879, tờ bản đồ số 65, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số 6140-LCL-201802963 ngày 16 tháng 10 năm 2018 và các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung (xem Thuyết minh số V.8), toàn bộ máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất thép không rỉ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 6140-LCL-201400974 ngày 14 tháng 6 năm 2014 và các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung (xem Thuyết minh số V.7) để thế chấp cho khoản vay này.
- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 006/2021-HĐCVHM/NHCT948-KIMVI ngày 02 tháng 6 năm 2021, hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 VND, thời hạn vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 9 tháng cho từng khoản vay. Mục đích khoản vay là để bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ. Công ty đã sử dụng máy móc thiết bị theo các Hợp đồng thế chấp số 021/2019/HĐBĐ/NHCT948 ngày 16 tháng 5 năm 2019, số 088/2019/HĐBĐ/NHCT948 ngày 11 tháng 12 năm 2019, số 095/2019/HĐBĐ/NHCT948 ngày 30 tháng 12 năm 2019; các tài sản của bên thứ 3 theo các Hợp đồng thế chấp số 043/2015-HĐTC ngày 14 tháng 12 năm 2015, số 026/2016-HĐTC ngày 12 tháng 5 năm 2016, số 063/2017-HĐTC ngày 21 tháng 7 năm 2017 và trái phiếu theo Hợp đồng cầm cố trái phiếu số 132/2017-HĐCC ngày 25 tháng 12 năm 2017 để thế chấp cho khoản vay này.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Tại ngày 01 tháng 01	3.000.000.000	3.000.000.000
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	-
Chi các quỹ	-	-
Tại ngày 30 tháng 06	3.000.000.000	3.000.000.000

19. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	495.000.000.000	(74.372.727)	68.847.697.845	563.773.325.118
Lãi trong năm trước	-	-	(40.629.539.455)	(40.629.539.455)
Thù lao HĐQT	-	-	(168.000.000)	(168.000.000)
Số cuối năm trước	495.000.000.000	(74.372.727)	28.050.158.390	522.975.785.663
Số đầu năm nay	495.000.000.000	(74.372.727)	28.050.158.390	522.975.785.663
Lãi trong 6 tháng đầu năm 2021	-	-	(17.452.639.996)	(17.452.639.996)
Số cuối kỳ này	495.000.000.000	(74.372.727)	10.597.518.394	505.523.145.667

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	49.500.000	49.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	49.500.000	49.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>49.500.000</i>	<i>49.500.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49.500.000	49.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>49.500.000</i>	<i>49.500.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.		

20. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đô la Mỹ	USD	26,07	32,67

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu bán hàng	94.032.966.086	105.288.565.908
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.457.768.593	966.273.605
Doanh thu bán phế liệu	-	46.215.000
Cộng	95.490.734.679	106.301.054.513

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Hàng bán bị trả lại	375.192.000	-
Cộng	375.192.000	-

3. Giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng	101.063.758.805	110.608.229.855
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	332.467.879	332.467.879
Cộng	101.396.226.684	110.940.697.734

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Doanh thu tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi	967.771	(440.956.711)
Lãi cho vay	-	561.633.334
Lãi trái phiếu	18.229.168	19.695.890
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.216	15.567
Cộng	<u>19.199.155</u>	<u>140.388.080</u>

5. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	6.589.871.053	11.074.237.707
Cộng	<u>6.589.871.053</u>	<u>11.074.237.707</u>

6. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên	162.345.850	119.704.048
Chi phí công cụ, dụng cụ	34.958.470	13.353.920
Chi phí khấu hao	548.439.852	99.518.640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.448.496	77.466.578
Cộng	<u>764.192.668</u>	<u>310.043.186</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	620.026.363	797.544.335
Chi phí đồ dùng văn phòng	69.339.980	87.933.004
Chi phí khấu hao	2.822.779.582	2.588.341.980
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	190.774.111	262.035.388
Chi phí bằng tiền khác	124.112.399	95.784.951
Cộng	<u>3.832.032.435</u>	<u>3.836.639.658</u>

8. Lợi nhuận (lỗ) khác

Thu nhập khác	100.000	617.499
Thu nhập khác	100.000	617.499
Chi phí khác	5.158.990	199.980.423
Phạt chậm nộp	5.158.990	31.712.767
Lãi phạt chậm thanh toán	-	159.791.006
Chi phí khác	-	8.476.650
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	<u>(5.058.990)</u>	<u>(199.362.924)</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 1F, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	(17.452.639.996)	(19.919.538.616)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	9.992.599.524	6.872.931.510
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	2.216	14.670
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản tiền kỳ này</i>	<i>2.216</i>	<i>14.670</i>
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	9.992.601.740	6.872.946.180
<i>Chi phí không được khấu trừ</i>	<i>9.992.603.956</i>	<i>6.872.946.180</i>
Trừ: Lỗ các năm trước được kết chuyển	-	-
Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế)	(7.460.040.472)	(13.046.607.106)
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Kỳ kế toán này Công ty bị lỗ nên không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính.

10. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(17.452.639.996)	(19.919.538.616)
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(17.452.639.996)	(19.919.538.616)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	49.500.000	49.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(353)	(402)

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(17.452.639.996)	(19.919.538.616)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	(17.452.639.996)	(19.919.538.616)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	49.500.000	49.500.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Kỳ này	Kỳ trước
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<i>Cộng: Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu có thể được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	49.500.000	49.500.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(353)	(402)

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	89.354.864.834	98.157.696.498
Chi phí nhân công	1.189.887.288	1.481.845.019
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.467.959.727	13.209.293.276
Chi phí dịch vụ mua ngoài	400.625.710	489.828.205
Chi phí bằng tiền khác	129.112.399	242.283.024
Cộng	106.542.449.958	113.580.946.022

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Lãi trái phiếu nhập gốc	10.929.168	12.070.890
Chi phí lãi vay phải trả	208.850.725	2.965.245.876

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Lãi cho vay phải thu năm trước đã thu trong kỳ	-	23.240.000
Lãi tiền gửi phải thu năm trước đã thu trong kỳ	-	757.632.375
Phải trả tiền mua sắm tài sản năm trước đã trả trong kỳ	-	449.500.001
Chi phí lãi vay phải trả năm trước đã trả trong kỳ	326.131.633	2.327.465.456

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản cho thuê hoạt động**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thu tiền cho thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	1.479.156.436	2.612.802.655
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	4.549.315.178	5.742.206.160
Trên 5 năm	-	-
Cộng	6.028.471.615	8.355.008.815

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản thu cho thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền cho thuê 396 m2 kho bãi, nhà xưởng và 65 - 70 m2 văn phòng tại 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty TNHH CDM Group theo Hợp đồng thuê nhà xưởng, kho bãi và văn phòng số 02/HĐT NXVK ngày 01 tháng 4 năm 2021 được ký với thời hạn 02 năm tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2021, đơn giá cho thuê kho bãi, nhà xưởng là 53.000 VND/m2/tháng và đơn giá cho thuê văn phòng là 7.000.000 VND/tháng.
- Tổng số tiền cho thuê 1.000 m2 kho bãi và 300m2 nhà xưởng tại 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh với ông Phan Thanh Tấn theo Hợp đồng thuê nhà xưởng, kho bãi số 03-2019/HĐT NX ngày 15 tháng 6 năm 2019 và Phụ lục hợp đồng số 01-2020/PL-HĐT NX ngày 01 tháng 01 năm 2020 ngày, thời hạn 5 năm tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020, đơn giá cho thuê 10.000.000 VND/ tháng và điều chỉnh tăng 10% sau mỗi kỳ 2 năm.
- Tổng số tiền cho thuê 2.171 m2 kho bãi, nhà xưởng và 45 m2 văn phòng tại 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trường Đức Thịnh theo Hợp đồng thuê nhà xưởng, kho bãi và văn phòng số 05-2019/HĐT NX ngày 28 tháng 8 năm 2019 được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 16 tháng 11 năm 2019, đơn giá cho thuê kho bãi, nhà xưởng là 52.800 VND/m2/tháng và đơn giá cho thuê văn phòng là 132.000 VND/m2/tháng; đơn giá cho thuê được điều chỉnh tăng 10% sau mỗi kỳ 2 năm.
- Tổng số tiền cho thuê 825 m2 kho bãi tại 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chính Tỷ theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 05-2020/HĐT NX ngày 01 tháng 6 năm 2020 được ký với thời hạn 02 năm tính từ ngày 01 tháng 6 năm 2020, đơn giá cho thuê kho bãi, nhà xưởng là 52.800 VND/m2/tháng; đơn giá cho thuê được điều chỉnh tăng 5% sau mỗi kỳ 1 năm.
- Tổng số tiền cho thuê 990 m2 kho bãi và thiết bị Ba lăng tại 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Môi trường Dương Nhật theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 02-2020/HĐT NX ngày 04 tháng 6 năm 2020 được ký với thời hạn 03 năm tính từ ngày 10 tháng 6 năm 2020, đơn giá cho thuê kho bãi, nhà xưởng là 51.700 VND/m2/tháng và đơn giá cho thuê thiết bị Ba lăng là 3.300 VND/m2/tháng; đơn giá cho thuê được điều chỉnh tăng 10% sau mỗi kỳ 2 năm kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2022.

2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan

Ông Lê Trần Vũ Đạt

Mối quan hệ

Thành viên HĐQT

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Ông Lê Trần Vũ Đạt		
Tạm ứng	-	4.278.743.138

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

Họ và tên	Chức danh	Kỳ này	Kỳ trước
Ông Đỗ Hùng	Chủ tịch HĐQT	103.200.000	139.200.000
Ông Đỗ Hòa	Quyền Tổng Giám đốc	121.200.000	103.200.000
Bà Đỗ Thị Thu Trang	Thành viên HĐQT	90.000.000	85.200.000
Ông Lê Trần Vũ Đạt	Thành viên HĐQT	-	93.331.000
Ông Lưu Xuân	Thành viên HĐQT	-	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Chi	Trưởng Ban KS (miễn nhiệm ngày 08/5/2020)	-	39.000.000
Bà Nguyễn Đài Trang	Thành viên Ban KS	60.000.000	57.000.000
Ông Nguyễn Tăng Minh Đức	Thành viên Ban KS	88.211.000	98.235.500
	Cộng	462.611.000	639.166.500

3. Báo cáo theo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo khu vực địa lý. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm inox do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa lý của khách hàng của Công ty.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động bán hàng, cung cấp sản phẩm tại các thị trường miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Hoạt động sản xuất được thực hiện tại Nhà máy Công ty tại miền Nam.

Dưới đây là phân tích lợi nhuận gộp của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

Chỉ tiêu	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-	95.490.734.679	95.490.734.679
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	(375.192.000)	(375.192.000)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-	95.115.542.679	95.115.542.679
Giá vốn hàng bán phân bộ theo bộ phận	-	-	101.396.226.684	101.396.226.684
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-	(6.280.684.005)	(6.280.684.005)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Cộng
Kỳ trước				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-	106.301.054.513	106.301.054.513
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-	106.301.054.513	106.301.054.513
Giá vốn hàng bán phân bộ theo bộ phận	-	-	110.940.697.734	110.940.697.734
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-	(4.639.643.221)	(4.639.643.221)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất, kinh doanh chủ yếu của Công ty hiện nay là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm chuyên ngành inox. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.17 trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	115.923.866.774	195.426.225.366
Trừ: Tiền	(5.061.317.257)	(5.988.696.686)
Nợ thuần	110.862.549.517	189.437.528.680
Vốn chủ sở hữu	505.523.145.667	522.975.785.663
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	22%	36%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền	5.061.317.257	5.061.317.257	5.988.696.686	5.988.696.686
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Phải thu của khách hàng	57.236.575.219	57.236.575.219	92.249.197.966	92.249.197.966
Phải thu khác	24.745.896	24.745.896	13.816.728	13.816.728
Cộng	62.822.638.372	62.822.638.372	98.751.711.380	98.751.711.380

Nợ phải trả tài chính

Phải trả người bán	11.283.329.642	11.283.329.642	2.922.036.487	2.922.036.487
Chi phí phải trả	263.850.725	263.850.725	381.131.633	381.131.633
Phải trả khác	763.370.400	763.370.400	757.712.400	757.712.400
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	115.923.866.774	115.923.866.774	195.426.225.366	195.426.225.366
Cộng	128.234.417.541	128.234.417.541	199.487.105.886	199.487.105.886

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, các khoản vay và nợ thuê tài chính tương đương với giá trị sổ sách của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá trên thị trường.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, các khoản cho vay và các khoản vay.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay và nợ chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có ảnh hưởng của rủi ro lãi suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính	500.000.000	500.000.000
Trái phiếu	500.000.000	500.000.000
Nợ phải trả tài chính	115.923.866.774	195.426.225.366
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	115.923.866.774	195.426.225.366
Tài sản (nợ phải trả) tài chính thuần	<u>(115.423.866.774)</u>	<u>(194.926.225.366)</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty trong kỳ sẽ giảm/tăng tương ứng là 1.154.238.668 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.949.262.254 VND).

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của hàng hóa sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Quản lý về rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay, phải thu từ hoạt động đầu tư hợp tác kinh doanh).

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Hội đồng quản trị Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản tài chính			
Tiền	5.061.317.257	-	5.061.317.257
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	500.000.000	500.000.000
Phải thu của khách hàng	57.236.575.219	-	57.236.575.219
Phải thu khác	24.745.896	-	24.745.896
Cộng	62.322.638.372	500.000.000	62.822.638.372
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả người bán	11.283.329.642	-	11.283.329.642
Chi phí phải trả	263.850.725	-	263.850.725
Phải trả khác	-	763.370.400	763.370.400
Các khoản vay	115.923.866.774	-	115.923.866.774
Cộng	127.471.047.141	763.370.400	128.234.417.541
Chênh lệch thanh khoản thuần	(65.148.408.769)	(263.370.400)	(65.411.779.169)
Số đầu năm			
Tài sản tài chính			
Tiền	5.988.696.686	-	5.988.696.686

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	500.000.000	500.000.000
Phải thu của khách hàng	92.249.197.966	-	92.249.197.966
Phải thu khác	13.816.728	-	13.816.728
Cộng	98.251.711.380	500.000.000	98.751.711.380
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả người bán	2.922.036.487	-	2.922.036.487
Chi phí phải trả	381.131.633	-	381.131.633
Phải trả khác	-	757.712.400	757.712.400
Các khoản vay	195.426.225.366	-	195.426.225.366
Cộng	198.729.393.486	757.712.400	199.487.105.886
Chênh lệch thanh khoản thuần	(100.477.682.106)	(257.712.400)	(100.735.394.506)

Hội đồng quản trị đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2021

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2021 yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2021



ĐỖ HÙNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị

TRẦN TRUNG NGHĨA
Kế toán trưởng

VÕ NGỌC TUYẾT MAI
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ